

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 17-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐ-HSST ngày 24/11/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm số: 17/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐ-HSST ngày 06/01/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm số: 02/TB-TA ngày 24 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐ-HSST ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị H1, sinh năm 1989, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 và bà Lưu Thị H2; có chồng Võ Văn Đ1 và 02 con; lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 06/08/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị D1 (tên hội viên: Út G2, dì Út G2), sinh năm 1956; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt buổi sáng ngày 16/3/2022, vắng mặt buổi chiều ngày 16/3/2022 và khi tuyên án).

2. Bà Phạm Thị L1 (tên hội viên: Bác ba T11), sinh năm 1957; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Anh Hồng Văn T1 (tên hội viên: D4), sinh năm 1992; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Lương Thị H3 (tên hội viên: T12), sinh năm 1959; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Chị Lê Hồng N2 (tên hội viên: N2), sinh năm 1992; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Huỳnh Thị X1 (tên hội viên: 7 C4), sinh năm 1959; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Chị Thạch Thị Diễm P1 (tên hội viên: Diễm K2), sinh năm 1996; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Nguyễn Thị P2 (tên hội viên: Thím hai P2), sinh năm 1967; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

9. Bà Trương Thị H4 (tên hội viên: Bác ba S3), sinh năm 1955; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

10. Bà Cô Thị Ngọc M1 (tên hội viên: Thím T13), sinh năm 1963; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông Trương Hoàng M2 (tên hội viên: Dì C5), sinh năm 1961; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

12. Bà Lưu Thị T2 (tên hội viên: Dì 6 Đ3), sinh năm 1955; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

13. Chị Lương Thị Diễm H5 (tên hội viên: Dì 6 Đ3), sinh năm 1992; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

14. Bà Hà Thị C1 (tên hội viên: Chị L8), sinh năm 1976; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

15. Chị Trần Phương L2 (tên hội viên: Thím tám Đ4), sinh năm 1979; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

16. Chị Lê Thị T3 (tên hội viên: Chị T3), sinh năm 1980; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

17. Bà Lữ Thị Chính N3 (tên hội viên: 7 V4), sinh năm 1973; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

18. Chị Hà Thị Ngọc S1 (tên hội viên: Ngọc S1), sinh năm 1992, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

19. Bà Trần Thị S2 (tên hội viên: 7 S2), sinh năm 1971; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

20. Bà Võ Thị L3 (tên hội viên: 7 L3), sinh năm 1964; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

21. Bà Lưu Thị N4 (tên hội viên: Út N4), sinh năm 1966; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

22. Chị Cao Thị Mỹ D2 (tên hội viên: D2), sinh năm 1986, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

23. Bà Phạm Thị H6 (tên hội viên: Ba L9), sinh năm 1963; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

24. Bà Phạm Thị T4 (tên hội viên: Cô 2 T4), sinh năm 1959; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

25. Bà Nguyễn Thị L4 (tên hội viên: Dì 3 L4), sinh năm 1951; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

26. Chị Diệp Thị Bích D3 (tên hội viên: Ngọc D3), sinh năm 1989; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

27. Chị Trần Thị H7 (tên hội viên: H7), sinh năm 1982; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

28. Bà Dương Ngọc V1 (tên hội viên: Chị V1), sinh năm 1980; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

29. Ông Diệp Văn H8 (tên hội viên: Chú Q2), sinh năm 1964; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

30. Bà Nguyễn Thị T5 (tên hội viên: Dì Mười B), sinh năm 1976; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

31. Chị Phạm Thị Bé L5 (tên hội viên: T13), sinh năm 1989; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

32. Chị Võ Thị Mỹ T6 (tên hội viên: Dì T6), sinh năm 1992; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

33. Bà Cô Thị Đ2 (tên hội viên: Chị Đ2), sinh năm 1972; cư trú tại ấp An, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Các bị hại số thứ tự từ 2 đến 33 vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị N5 (tên hội viên: Thím U), sinh năm 1957; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
2. Chị Nguyễn Thị H9 (tên hội viên: Cô H9), sinh năm 1979; cư trú tại ấp An, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
3. Anh Lê Hoàn T7 (tên hội viên: Anh T7), sinh năm 1982; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
4. Bà Võ Thị Thu V2 (tên hội viên: Tư N5), sinh năm 1967; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
5. Bà Huỳnh Thị L6 (tên hội viên: Dì L6), sinh năm 1974; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
6. Chị Nguyễn Thị Thu H10 (tên hội viên: Vợ anh H14), sinh năm 1984; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
7. Bà Trần Thị H11 (tên hội viên: Dì tư H11), sinh năm 1958; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
8. Bà Trần Thị K1 (tên hội viên: 3 R), sinh năm 1966, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
9. Anh Trần Văn C2 (tên hội viên: C2), sinh năm 1991; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
10. Chị Hà Thị H12 (tên hội viên: P3), sinh năm 1993; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
11. Bà Sơn Thị H13 (tên hội viên: Dì T6), sinh năm 1968; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
12. Ông Diệp Văn T8 (tên hội viên: Dượng 7, anh O, anh Q1), sinh năm 1961; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
13. Chị Thạch Thị G1 (tên hội viên: Chị G1), sinh năm 1982; cư trú tại ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
14. Chị Hà Thị Thúy C3 (tên hội viên: Dì T4), sinh năm 1979; cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
15. Chị Phan Thị T9 (tên hội viên: Dì T9), sinh năm 1979; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
16. Chị Trần Thị Kim X2 (tên hội viên: Út X2), sinh năm 1989; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
17. Bà Lưu Thị H2, sinh năm 1964; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

18. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số thứ tự 1 đến 17 vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn T10 (tên hội viên: Anh T15), sinh năm 1984; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị V3 (tên hội viên: Út V3), sinh năm 1962; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L7 (tên hội viên: Thím C6, thím C7), sinh năm 1972; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 đến năm 2018, Trần Thị H1 đứng ra tổ chức nhiều dây hội cho nhiều hội viên tham gia như: Công khai việc thành lập dây hội, giao danh sách hội viên cho hội viên khi tham gia và công khai ngày, nơi khai hội, gom tiền hội cũng như khi hội viên hốt được hội thì giao tiền đầy đủ cho các hội viên đúng thời gian quy định nên được nhiều người tin tưởng.

Từ ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch) đến ngày 10/12/2019 (nhằm ngày 15/11/2019 âm lịch) bị cáo H1 mở 02 (hai) dây hội loại 500.000 đồng, mỗi tháng khai hội 02 lần và mở 02 (hai) dây hội loại 1.000.000 đồng mỗi tháng khai hội 01 lần, do bị cáo làm đầu thảo (chủ hội). Trong quá trình làm đầu thảo hội, do thấy hội viên tin tưởng, ít hội viên đến tham dự các kỳ khai hội mà chủ yếu thông qua việc bị cáo thực hiện giúp nên từ đó bị cáo đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên sử dụng, tiêu xài vào mục đích của cá nhân, bị cáo tự ý hốt phần hội của các hội viên mà chưa có sự đồng ý của hội viên để chiếm đoạt tiền của các hội viên như sau:

1. Dây hội thứ nhất: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng/phần (chân), một tháng khai một lần, dây hội có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hội, bị cáo tham gia 02 phần (sau đây gọi tắt là dây hội 1). Dây hội đã khai được 22 lần, hội viên hốt được 17 lần, bị cáo đã hốt 02 lần hội của bị cáo. Còn lại 03 lần bị cáo tự ý lấy phần hội của hội viên tự kê (bỏ thăm) ra số tiền và tự hốt hội (khi bị cáo bỏ thăm, bị cáo hốt được hội và có hội viên nào hỏi lần này ai hốt hội, thì bị cáo nói tên hội viên khác hốt hội chứ

bị cáo không nói là bị cáo tự ý lấy phần hụi của hụi viên khác để bị cáo hốt hụi) như sau:

- Tại lần khai hụi thứ 11 (ngày 19/5/2019, nhằm ngày 15/4/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Phạm Thị L1 (tên hụi viên bác Ba T11), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 550.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 17.000.000 đồng (08 chân hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng và 20 chân hụi sống với số tiền 9.000.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

- Tại lần khai hụi thứ 13 (ngày 17/7/2019, nhằm ngày 15/6/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Lương Thị H3 (tên hụi viên T12), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 610.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 17.020.000 đồng (10 chân hụi chết với số tiền 10.000.000 đồng và 18 chân hụi sống với số tiền 7.020.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

- Tại lần khai hụi thứ 14 (ngày 15/8/2019, nhằm ngày 15/7/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của anh Hồng Văn T1 (tên hụi viên D4), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 510.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 19.330.000 đồng (11 chân hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng và 17 chân hụi sống với số tiền 8.330.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

Như vậy, tại đây hụi thứ nhất, bị cáo chiếm đoạt tiền của các hụi viên số tiền tổng cộng là 53.350.000 đồng.

2. Dây hụi thứ hai: Mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 dương lịch nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng/phần, một tháng khai 02 lần, dây hụi này có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hụi, bị cáo tham gia 02 phần (sau đây gọi tắt là dây hụi 2). Dây hụi đã khai được 28 lần, các hụi viên khác hốt 23 lần, bị cáo đã hốt 02 lần hụi của bị cáo. Còn lại 03 lần bị cáo tự ý lấy phần hụi của hụi viên tự kê (bỏ thăm) ra số tiền và tự hốt hụi (khi bị cáo bỏ thăm, bị cáo hốt được hụi và có hụi viên nào hỏi lần này ai hốt hụi, thì bị cáo nói tên hụi viên khác hốt hụi chứ bị cáo không nói là bị cáo tự ý lấy phần hụi của hụi viên khác để bị cáo hốt hụi) như sau:

- Tại lần khai hụi thứ 11 (ngày 08/9/2019, nhằm ngày 10/8/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Huỳnh Thị D1 (tên hụi viên dì Út D1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 250.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 9.000.000 đồng (08 chân hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng và 20 chân hụi sống với số tiền 5.000.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

- Tại lần khai hụi thứ 13 (ngày 08/10/2019, nhằm ngày 10/9/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Huỳnh Thị D1 (tên hụi viên dì Út D1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 290.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 8.780.000 đồng (10 chân hụi chết với số tiền 5.000.000 đồng và 18 chân hụi sống với số tiền 3.780.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

- Tại lần khai hội thứ 15 (ngày 06/11/2019, nhằm ngày 10/10/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hội của chị Dương Ngọc V1 (tên hội viên chị V1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 300.000 đồng, bị cáo hốt hội được số tiền 9.200.000 đồng (12 chân hội chết với số tiền 6.000.000 đồng và 16 chân hội sống với số tiền 3.200.000 đồng, trừ 02 chân hội chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

Như vậy, tại đây hội thứ hai, bị cáo chiếm đoạt tiền của các hội viên số tiền tổng cộng là 26.980.000 đồng.

3. Dây hội thứ ba: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/10/2019 nhằm ngày 30/9/2019 âm lịch (lấy ngày 29 làm ngày 30), loại hội 1.000.000 đồng/phần, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội này có 27 phần, có 21 người tham gia, bị cáo tham gia 02 phần (sau đây gọi tắt là dây hội 3). Hội khai được 07 lần, hội viên hốt 05 lần, bị cáo đã hốt 02 phần hội của bị cáo (ở kỳ khai hội lần thứ nhất và lần thứ hai). Tại kỳ khai hội lần 07, hội viên Lê Hoàn T7 (tên hội viên anh T7) kê hốt hội với số tiền là 16.500.000 đồng, bị cáo chưa gom được tiền hội do các hội viên đóng nên bị cáo chưa giao tiền hội cho anh T7 thì bị bị cáo đã tuyên bố vỡ hội và trốn khỏi địa phương, dây hội này bị cáo không có chiếm đoạt tiền của hội viên.

4. Dây hội thứ tư: Mở và khai lần đầu vào ngày 10/12/2019 nhằm ngày 15/11/2019 âm lịch, loại hội 500.000 đồng/phần, một tháng khai 02 lần, dây hội này có 28 phần, có 16 người tham gia, bị cáo tham gia 02 phần (sau đây gọi tắt là dây hội 4). Hội khai được 08 lần, hội viên hốt 06 lần, bị cáo hốt 02 phần hội của bị cáo, dây hội này bị cáo không có chiếm đoạt tiền của hội viên.

Như vậy, bị cáo Trần Thị H1 đã thực hiện hành vi gian dối tự ý kê và hốt hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia của hai dây hội: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 (nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch) với số tiền tổng cộng là 80.330.000 đồng.

Ngoài ra, đối với dây hội thứ nhất: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), tại lần khai hội thứ mấy không nhớ, bà Nguyễn Thị P2 bỏ thăm hốt được hội, số tiền hội được nhận là 25.200.000 đồng, bị cáo giao tiền hội cho bà P2 với số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo xin nợ lại bà P2 số tiền 18.200.000 đồng và được bà P2 đồng ý; đối với dây hội thứ hai: Mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 dương lịch nhằm (ngày 10/3/2019 âm lịch), tại lần khai hội thứ 27, chị Lê Hồng N2 bỏ thăm hốt được hội, số tiền hội được nhận là 13.200.000 đồng, bị cáo giao tiền hội cho chị N2 với số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo xin nợ lại chị N2 số tiền 6.200.000 đồng và được chị N2 đồng ý.

Cả 04 dây hội nêu trên đều chưa mãn hội, thì đến khoảng ngày 25/6/2020, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi bị cáo trốn khỏi địa phương, các hội viên làm đơn tố giác bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung tiến hành điều tra, xác minh và xác định được hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trần Thị H1 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra, nhưng đến giai đoạn truy tố bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan cấm đi khỏi nơi cư trú. Để đảm bảo việc truy tố và xét xử, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ra lệnh bắt đối với Trần Thị H1 để tạm giam.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ và lưu vào hồ sơ vụ án các tài liệu, đồ vật gồm: 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/6/2018 âm lịch (bản chính); 01 (một) danh sách hội viên ngày 10/3/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 30/9/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/11/2019 âm lịch (bản chính).

Về trách nhiệm dân sự: Qua kết quả điều tra, những người tham gia của 04 dây hội nêu trên yêu cầu bị cáo Trần Thị H1 giải quyết phần trách nhiệm dân sự cụ thể như sau:

- Có 22 hội viên yêu cầu bị cáo Trần Thị H1 trả lại số tiền chơi hội tổng cộng là 473.550.000 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) thể hiện trong danh sách cụ thể như sau:

01. Huỳnh Thị D1: 197.000.000 đồng.
02. Hồng Văn T1: 15.000.000 đồng.
03. Phạm Thị L1: 25.000.000 đồng.
04. Lương Thị H3: 7.500.000 đồng.
05. Lê Hồng N2: 25.200.000 đồng.
06. Huỳnh Thị X1: 13.500.000 đồng.
07. Thạch Thị Diễm P1: 13.000.000 đồng.
08. Nguyễn Thị P2: 25.200.000 đồng.
09. Hà Thị H12: 8.000.000 đồng.
10. Trần Thị Kim X2: 16.000.000 đồng.
11. Trương Thị H4: 14.000.000 đồng.
12. Nguyễn Thị H9: 4.650.000 đồng.
13. Cô Thị Ngọc M1: 19.000.000 đồng.
14. Lê Hoàn T7: 16.000.000 đồng.
15. Võ Thị Thu V2: 10.000.000 đồng.
16. Trương Hoàng M2: 13.500.000 đồng.

- 17. Huỳnh Thị L6: 17.000.000 đồng.
- 18. Lưu Thị T2: 8.000.000 đồng.
- 19. Lương Thị Diễm H5: 8.000.000 đồng.
- 20. Nguyễn Thị Thu H10: 3.000.000 đồng.
- 21. Trần Thị N5: 7.000.000 đồng.
- 22. Trần Thị H11: 8.000.000 đồng.

- Có 06 hội viên còn nợ bị cáo (đã đối chiếu xong với bị cáo) với số tiền là: 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) thể hiện trong danh sách sau đây:

- 01. Trần Phương L2: 6.000.000 đồng.
- 02. Hà Thị C1: 7.000.000 đồng.
- 03. Sơn Thị H13: 4.000.000 đồng.
- 04. Lê Thị T13: 7.000.000 đồng.
- 05. Lữ Thị Chính N3: 8.000.000 đồng.
- 06. Hà Thị Ngọc S1: 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-CLD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Thị H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã có hành vi gian dối tự ý kêu và hốt hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia của hai dây hội mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 (nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch) với số tiền tổng cộng là 80.330.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có chú ruột và cậu ruột có công với nước; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trước khi phạm tội bị

cáo có thân thân tốt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ và lưu vào hồ sơ vụ án các tài liệu, đồ vật gồm: 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/6/2018 âm lịch (bản chính); 01 (một) danh sách hội viên ngày 10/3/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 30/9/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/11/2019 âm lịch (bản chính). Đây là các tài liệu, đồ vật có liên quan trực tiếp đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình xét xử, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thỏa thuận xong về trách nhiệm dân sự với bị cáo và gia đình bị cáo, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn N1 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo về với gia đình, cha, mẹ, lo cho con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Viện kiểm sát cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là lời khai của những người có tên trong danh sách chơi hội gồm: Bà Nguyễn Thị T5, chị Võ Thị Mỹ T6, anh Trần

Văn T10, bà Nguyễn Thị L7, bà Trần Thị V3 là những người có tham gia dây hui 1 (trong quá trình chơi hui, anh T10, bà L7, bà V3 đã bán chân hui của mình cho bà Huỳnh Thị D1); chị Phạm Thị Bé L5 và bà Cô Thị Đ2 là những người có tham gia dây hui 2; ông Diệp Văn T8, chị Hà Thị Thúy C3 là những người có tham gia dây hui 3; chị Thạch Thị G1, chị Phan Thị T9 là những người có tham gia dây hui 4 và ông Trần Văn N1 là cha ruột của bị cáo có đứng ra thỏa thuận trả nợ thay cho bị cáo. Do đó, Tòa án triệu tập bổ sung bà Nguyễn Thị T5, chị Võ Thị Mỹ T6, chị Phạm Thị Bé L5 và bà Cô Thị Đ2 tham gia tố tụng với tư cách là bị hại trong vụ án; triệu tập bổ sung ông Diệp Văn T8, chị Hà Thị Thúy C3, chị Thạch Thị G1, chị Phan Thị T9 và ông Trần Văn N1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; triệu tập bổ sung anh Trần Văn T10, bà Nguyễn Thị L7, bà Trần Thị V3 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

[1.3] Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định chị Hà Thị H12, bà Sơn Thị H13, chị Trần Thị Kim X2 là bị hại trong vụ án nhưng chị H12 tham gia chơi dây hui 4, chị X2 tham gia chơi dây hui 3, bà H13 tham gia chơi hui giùm cho con là chị Võ Thị Mỹ T6 nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị H12, bà H13, chị X2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[1.4] Các bị hại Phạm Thị L1, Hồng Văn T1, Huỳnh Thị X2, Thạch Thị Diễm P1, Nguyễn Thị P2, Trương Thị H4, Cô Thị Ngọc M1, Trương Hoàng M2, Lưu Thị T2, Lương Thị Diễm H5, Nguyễn Thị T5, Cô Thị Đ2; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị N5, Nguyễn Thị H9, Võ Thị Thu V2, Nguyễn Thị Thu H10, Trần Thị H11, Hà Thị H12, Diệp Văn T8, Hà Thị Thúy C3 và những người làm chứng Trần Văn T10, Trần Thị V3, Nguyễn Thị L7 có yêu cầu xin xét xử vắng mặt; các bị hại Lương Thị H3, Lê Hồng N2, Hà Thị C1, Trần Phương L2, Lê Thị T3, Lữ Thị Chính N3, Hà Thị Ngọc S1, Trần Thị S2, Võ Thị L3, Lưu Thị N4, Cao Thị Mỹ D2, Phạm Thị H6, Phạm Thị T4, Nguyễn Thị L4, Diệp Thị Bích D3, Trần Thị H7, Dương Ngọc V1, Diệp Văn H8, Phạm Thị Bé L5, Võ Thị Mỹ T6 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Hoàn T7, Huỳnh Thị L6, Trần Thị K1, Trần Văn C2, Sơn Thị H13, Thạch Thị G1, Phạm Thị T9, Trần Thị Kim X2, Lưu Thị H2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xét thấy các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Thị H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), bị cáo mở và khai lần đầu dây hụi 1.000.000 đồng/phần (chân), một tháng khai một lần, dây hụi có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hụi và ngày 14/4/2019 (nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch), bị cáo mở và khai lần đầu dây hụi 500.000 đồng/phần (chân), một tháng khai hai lần, dây hụi có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hụi. Trong quá trình làm đầu thảo hụi (chủ hụi), do thấy hụi viên tin tưởng, ít đến tham dự các kỳ khai hụi mà chủ yếu thông qua việc bị cáo thực hiện giúp nên từ đó bị cáo đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của hụi viên để sử dụng, tiêu xài vào mục đích của cá nhân, bị cáo tự ý hốt phần hụi của các hụi viên mà chưa có sự đồng ý của hụi viên để chiếm đoạt tiền của các hụi viên như sau:

[3.1] Dây hụi thứ nhất: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng/phần (chân), một tháng khai một lần, dây hụi có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hụi, bị cáo tham gia 02 phần. Dây hụi đã khai được 22 lần, hụi viên hốt được 17 lần, bị cáo đã hốt 02 lần hụi của bị cáo. Còn lại 03 lần bị cáo tự ý lấy phần hụi của hụi viên tự kê (bỏ thăm) ra số tiền và tự hốt hụi (khi bị cáo bỏ thăm, bị cáo hốt được hụi và có hụi viên nào hỏi lần này ai hốt hụi, thì bị cáo nói tên hụi viên khác hốt hụi chứ bị cáo không nói là bị cáo tự ý lấy phần hụi của hụi viên khác để bị cáo hốt hụi) như sau:

[3.1.1] - Tại lần khai hụi thứ 11 (ngày 19/5/2019, nhằm ngày 15/4/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Phạm Thị L1 (tên hụi viên bác Ba T11), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 550.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 17.000.000 đồng (08 chân hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng và 20 chân hụi sống với số tiền 9.000.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

[3.1.2] - Tại lần khai hụi thứ 13 (ngày 17/7/2019, nhằm ngày 15/6/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của bà Lương Thị H3 (tên hụi viên T12), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 610.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 17.020.000 đồng (10 chân hụi chết với số tiền 10.000.000 đồng và 18 chân hụi sống với số tiền 7.020.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

[3.1.3] - Tại lần khai hụi thứ 14 (ngày 15/8/2019, nhằm ngày 15/7/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hụi của anh Hồng Văn T1 (tên hụi viên D4), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 510.000 đồng, bị cáo hốt hụi được số tiền 19.330.000 đồng (11 chân hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng và 17 chân hụi sống với số tiền 8.330.000 đồng, trừ 02 chân hụi chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo).

[3.1.4] Tại dây hụi thứ nhất, bị cáo chiếm đoạt tiền của các hụi viên số tiền tổng cộng là 53.350.000 đồng.

[3.2] Dây hội thứ hai: Mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch, loại hội 500.000 đồng/phần, một tháng khai 02 lần, dây hội này có 30 phần, có 23 người tham gia, do bị cáo làm chủ hội, bị cáo tham gia 02 phần. Dây hội đã khai được 28 lần, các hội viên khác hốt 23 lần, bị cáo đã hốt 02 lần hội của bị cáo. Còn lại 03 lần bị cáo tự ý lấy phần hội của hội viên tự kê (bỏ thăm) ra số tiền và tự hốt hội (khi bị cáo bỏ thăm, bị cáo hốt được hội và có hội viên nào hỏi lần này ai hốt hội, thì bị cáo nói tên hội viên khác hốt hội chứ bị cáo không nói là bị cáo tự ý lấy phần hội của hội viên khác để bị cáo hốt hội) như sau:

[3.2.1] - Tại lần khai hội thứ 11 (ngày 08/9/2019, nhằm ngày 10/8/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hội của bà Huỳnh Thị D1 (tên hội viên đi Út D1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 250.000 đồng, bị cáo hốt hội được số tiền 9.000.000 đồng (08 chân hội chết với số tiền 4.000.000 đồng và 20 chân hội sống với số tiền 5.000.000 đồng, trừ 02 chân hội chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

[3.2.2] - Tại lần khai hội thứ 13 (ngày 08/10/2019, nhằm ngày 10/9/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hội của bà Huỳnh Thị D1 (tên hội viên đi Út D1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 290.000 đồng, bị cáo hốt hội được số tiền 8.780.000 đồng (10 chân hội chết với số tiền 5.000.000 đồng và 18 chân hội sống với số tiền 3.780.000 đồng, trừ 02 chân hội chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

[3.2.3] - Tại lần khai hội thứ 15 (ngày 06/11/2019, nhằm ngày 10/10/2019 âm lịch), bị cáo lấy một phần hội của chị Dương Ngọc V1 (tên hội viên chị V1), bị cáo đã tự kê (bỏ thăm) số tiền 300.000 đồng, bị cáo hốt hội được số tiền 9.200.000 đồng (12 chân hội chết với số tiền 6.000.000 đồng và 16 chân hội sống với số tiền 3.200.000 đồng, trừ 02 chân hội chết của bị cáo ra, vì bị cáo không phải thu tiền của bị cáo);

[3.2.4] Tại dây hội thứ hai, bị cáo chiếm đoạt tiền của các hội viên số tiền tổng cộng là 26.980.000 đồng.

[3.3] Như vậy, bị cáo Trần Thị H1 đã thực hiện hành vi gian dối tự ý kê và hốt hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia của hai dây hội mở và khai lần đầu vào ngày 27/7/2018 (nhằm ngày 15/6/2018 âm lịch), mở và khai lần đầu vào ngày 14/4/2019 (nhằm ngày 10/3/2019 âm lịch) với số tiền tổng cộng là 80.330.000 đồng.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là gây dư luận xã hội không tốt tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo có 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do đó, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có chú ruột và cậu ruột có công với nước; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trước khi phạm tội bị cáo có thân thân tốt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như đã phân tích tại đoạn [6], Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình và quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo để bị cáo có thời gian cải tạo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy, hoàn cảnh gia đình của bị cáo có thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền là hình bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ và lưu vào hồ sơ vụ án các tài liệu, đồ vật gồm: 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/6/2018 âm lịch (bản chính); 01 (một) danh sách hội viên ngày 10/3/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 30/9/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hội viên ngày 15/11/2019

âm lịch (bản chính). Đây là các tài liệu, đồ vật có liên quan trực tiếp đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (những người bị cáo nợ và những người nợ lại bị cáo) đã thỏa thuận xong về trách nhiệm dân sự với bị cáo và gia đình bị cáo, không ai yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Đối với dây hui thứ ba: Mở và khai lần đầu vào ngày 27/10/2019 nhằm ngày 30/9/2019 âm lịch (lấy ngày 29 làm ngày 30), loại hui 1.000.000 đồng/phần, mỗi tháng khai 01 lần và dây hui thứ tư: Mở và khai lần đầu vào ngày 10/12/2019 nhằm ngày 15/11/2019 âm lịch, loại hui 500.000 đồng/phần, một tháng khai 02 lần, thì bị cáo không có chiếm đoạt tiền của các hui viên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Đối với hành vi giao tiền hui không đủ cho bà Nguyễn Thị P2 và chị Lê Hồng N2, thì bị cáo có nói gom tiền của hui viên chưa đủ nên xin nợ lại và được sự đồng ý của bà P2 và chị N2 nên hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị H1 là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 03 tháng 8 năm 2021.

2. Về vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng: 01 (một) danh sách hui viên ngày 15/6/2018 âm lịch (bản chính); 01 (một) danh sách hui viên ngày 10/3/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hui viên ngày 30/9/2019 âm lịch (bản photo); 01 (một) danh sách hui viên ngày 15/11/2019 âm lịch (bản chính).

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (những người bị cáo nợ và những người nợ lại bị cáo) đã thỏa thuận xong về trách nhiệm dân sự với bị cáo và gia đình bị cáo, không ai yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị H1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Văn N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn